

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Đất đai (05 TTHC)				
1	Thu hồi đất đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.	30 ngày	Không quy định	Không quy định.	- Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
2	Trình tự, thủ tục xây dựng bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất hằng năm để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.	Không quy định.	Không quy định.	Không quy định.	- Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của; - Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ;
3	Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Không quy định	Không quy định	Không quy định.	- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ;
4	Trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	Không quy định.	Không quy định.	Không quy định.	- Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Trình tự điều chỉnh bảng giá đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai	Không quy định.	Không quy định.	Không quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15 của Quốc hội; - Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
II	Lĩnh vực Nông thôn mới (02 TTHC)				
1	Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày; - UBND <i>cấp tỉnh</i> trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - UBND <i>cấp tỉnh</i> trả lời <i>UBND cấp xã</i> về hồ sơ hợp lệ để xét, công nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Công bố quyết định: 45 ngày kể từ ngày quyết 	Trực tiếp hoặc qua bưu điện	Không quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		định công nhận.			
2	Thu hồi Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.	- Lấy ý kiến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng: 15 ngày; - UBND cấp tỉnh trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trực tiếp hoặc qua bưu điện	Không quy định.	- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
III	Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)				
1	Ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không quy định	Không quy định	Không quy định.	- Điểm c khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020. - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Điều 36 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	Xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không quy định	Không quy định	Không quy định.	- Điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường. - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Khoản 1 Điều 37 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
IV	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ (01 TTHC)				
1	Thẩm định dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ cơ bản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện	11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu	Không quy định.	- Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			chính		
V	Lĩnh vực Thủy sản (02 TTHC)				
1	Quyết định thành lập khu bảo tồn biển cấp tỉnh	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không quy định.	- Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định ngày 08/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;
2	Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh	Không quy định	Trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính	Không quy định.	- Thông tư số 19/2018/TT BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
VI	Lĩnh vực Tài nguyên nước (11 TTHC)				
1	Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Thông tư số 03/2024/TT BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;
3	Điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước)	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 14/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
6	Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
7	Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ý kiến: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến. - Thời gian Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho ý kiến: không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến. 	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
8	Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
9	Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
10	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước).	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 14/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
VII	Lĩnh vực Kinh tế Hợp tác và PTNT (01 TTHC)				
1	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương	Do UBND cấp tỉnh quyết định	Không quy định	Không quy định	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Khoản 4, khoản 5, Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
VIII	Địa chất và khoáng sản (08 TTHC)				
1	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	- Thời gian hoàn thiện và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 30 ngày, nhận được hồ sơ lấy ý kiến về kết quả khoanh định, khoanh định điều chỉnh. - Thời gian phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không quy định		- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	Khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Không quy định	Không quy định		- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời của cơ quan được lấy ý kiến); - Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản. 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia	Không quy định	<p>12/6/2025 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không tính thời gian xem xét trả lời 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>của cơ quan được lấy ý kiến);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn xem xét việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thu hồi của Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản. 			<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5	Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan: 35 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; - Thời hạn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ các nội dung liên quan; - Thời hạn quyết định 	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>việc thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>- Thời hạn gửi quyết định thu hồi và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.</p>			
6	Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	<p>(1) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật hoặc giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu</p>	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia.	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (quy định tại điểm a và d khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ và xác minh, làm rõ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 30 ngày, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo đối với các trường hợp nêu trên; - Thời hạn ban hành 			

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>- Thời hạn thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.</p> <p>(2) Trường hợp khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và</p>			

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>quy định khác của pháp luật có liên quan (quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 93 Nghị định số 193/2025/NĐ CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tổng hợp và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 20 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản hoặc thu hồi toàn bộ diện tích đất hoạt động khoáng sản đối với trường hợp nêu trên; - Thời hạn ban hành quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV của cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Thời hạn thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và có 			

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân: 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.			
7	Lập, phê duyệt, công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản	- Thời hạn lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Không quy định; - Thời hạn công khai kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Chậm nhất 15 ngày làm việc.	Không quy định	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
8	Xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư	Thực hiện đồng thời với quá trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản	Không quy định.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
XIX	Lĩnh vực Thú y, Thủy sản (01 TTHC)				
1	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật ngày 19/6/2015; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
X	Lĩnh vực Thú y (02 TTHC)				
1	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật ngày 19/6/2015; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn khi dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật ngày 19/6/2015; - Thông tư số 07/2016/BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Đất đai (07 TTHC)				
1	Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai.	30 ngày	Không quy định	Không quy định	- Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.
2	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng theo khoản 1, 2 và 3 Điều 82 Luật Đất đai.	15 ngày	Không quy định	Không quy định	
3	Thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đất đai.	18 ngày	Không quy định	Không quy định	
4	Trình tự định giá đất cụ thể đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ;
5	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp xã/điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Không quy định	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp xã, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã	Không quy định	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
II Lĩnh vực Môi trường (06 TTHC)					
1	Công bố sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường	Không quy định	Không quy định	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Ban hành kế hoạch phục hồi môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường	30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường	Không quy định	Không quy định	
3	Ban hành kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố chất thải theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg	30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố chất thải.	Không quy định	Không quy định	
4	Ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 127 Luật Bảo vệ môi trường	Không quy định	Không quy định	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
5	Tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này	Không quy định	Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đăng ký môi trường đến Ủy ban nhân dân xã thông qua một trong các hình thức sau: + Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; + Qua đường bưu điện, dịch vụ bưu chính; + Bản điện tử.	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6	Thành lập tổ công tác xác định nguyên nhân sự cố chất thải cấp xã ngay sau khi sự cố xảy ra theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quy chế ứng phó sự cố chất thải ban hành kèm theo Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.
III	Lĩnh vực Thú y (02 TTHC)				
1	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật ngày 19/6/2015; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Thời gian thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Công bố hết dịch dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ điều kiện công bố dịch bệnh xảy ra trong phạm vi xã	Không quy định	Không quy định	Không quy định	- Luật ngày 19/6/2015; - Thông tư số 07/2016/BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
IV	Lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm (02 TTHC)				
1	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức	53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với tổ chức.	Không quy định	Không	- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	Không quy định	Không	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.